TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BC** THÀNH PHỐ HCM	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 532/2024/DS-ST
Ngày: 31-07-2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BC, THÀNH PHỐ HCM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Phước Trường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Trung.

2. Ông Võ Hoàng Thu .

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Xuân Thành, thư ký Tòa án nhân dân huyện BC, Thành phố HCM.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện BC, Thành phố HCM tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 07 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BC, Thành phố HCM xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 563/2023/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*", căn cứ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 400/2024/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 06 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 369/2024/QĐST-DS ngày 10 tháng 07 năm 2024 , giữa các bên đương sự:

- ***Nguyên đơn*:** Ngân hàng thương mại cổ phần Q (Ngân hàng Q); Trụ sở chính: Số LĐH, quận HBT, Thành phố HN, Người đại diện theo pháp luật bà Bùi Thị Thanh H, Chủ tịch hội đồng quản trị - Người đại diện theo ủy quyền ông Lê Viết P, Phó giám đốc trung tâm xử lý nợ pháp lý - Ủy quyền cho bà Nguyễn Thị U, chuyên viên tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền số 251/2023/UQ- Q ngày 02 tháng 10 năm 2023. Địa chỉ liên hệ: Số NĐC, Phường VTS, quận X, Thành phố HCM. (Bà U có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1986; Cư trú tại M ấp N, xã VLA, huyện BC, TP. HCM; Bà Hoàng Thị Bảo T, sinh năm 1997; Thôn BT, xã LA, huyện PL, tỉnh TTH;

Cùng cư trú tại M ấp N, Xã VLA, huyện BC, TP. HCM. (Ông T Bà T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/10/2023, bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Q có đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị U trình bày:

Vào năm 2019, Ngân hàng thương mại cổ phần Q (Q) có cho vợ chồng ông Nguyễn Minh T và bà Hoàng Thị Bảo T vay để mua xe ô tô kinh doanh thép kết hợp hợp đồng tín dụng cụ thể như sau: Hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ số X/HĐCV ngày 29/05/2019 giữa bên cho vay là Ngân hàng thương mại cổ phần Q (Q) – Chi nhánh Sài Gòn – Phòng Giao dịch Cộng Hòa HCM với bên vay là ông Nguyễn Minh T và bà Hoàng Thị Bảo T. Số tiền vay là: 1.900.000.000 đồng (Một tỷ chín trăm triệu đồng); Thời hạn vay là 84 tháng; Mục đích vay là mua xe ô tô; Lãi suất vay kỳ đầu tiên kể từ ngày giải ngân cho đến ngày 30/05/2020 là 10%/năm. Lãi suất kỳ tiếp theo được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần vào các ngày 30 theo công thức LSV bằng lãi suất cơ sở cộng Biên độ 3.7%; Lãi quá hạn: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; Lãi suất chậm trả lãi: 10%/năm (365 ngày) tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay nêu trên, ông Nguyễn Minh T và bà Hoàng Thị Bảo T thực hiện không đúng các kỳ hạn trả nợ gốc và lãi quy định theo hợp đồng. Ngân hàng đã căn cứ hợp đồng thế chấp, áp dụng biện pháp xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ vay, số tiền thu nợ sau khi xử lý tài sản thế chấp là 1.206.046.800 đồng thu vào nợ gốc. Như vậy, tổng số tiền ông Nguyễn Minh T và bà Hoàng Thị Bảo T đã thanh toán cho Q là 1.866.338.266 đồng (gốc là 1.592.024.952 đồng, lãi là 274.313.314 đồng). Hiện tại, ông Nguyễn Minh T và bà Hoàng Thị Bảo T còn nợ Ngân hàng Q, tạm tính đến ngày 31/07/2024 là: 900.129.444 đồng, trong đó; Nợ gốc: 307.975.048 đồng; Nợ lãi trong hạn: 395.856.029 đồng; Nợ lãi quá hạn: 100.813.795 đồng; Nợ lãi chậm trả lãi: 95.484.572 đồng. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc đề nghị ông Nguyễn Minh T và bà Hoàng Thị Bảo T trả nợ vay nhưng Ông T và Bà T không thực hiện nghĩa vụ. Do đó, Ngân hàng Q khởi kiện ông Nguyễn Minh T và bà Hoàng Thị Bảo T ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Nay, Ngân hàng thương mại cổ phần Q khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét xử buộc ông Nguyễn Minh T và bà Hoàng Thị Bảo T phải trả cho Q tổng số nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 31/07/2024 là 900.129.444 đồng, trong đó; Nợ gốc: 307.975.048 đồng; Nợ lãi trong hạn: 395.856.029 đồng; Nợ lãi quá hạn: 100.813.795 đồng; Nợ lãi chậm trả lãi: 95.484.572 đồng. Ngoài ra ông Nguyễn Minh T và bà Hoàng Thị Bảo T phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh tính từ ngày 31/07/2024 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng; Trường hợp ông Nguyễn Minh T và bà Hoàng Thị Bảo T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên, đề nghị Tòa án tuyên

Ngân hàng Q được yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản khác của ông Nguyễn Minh T và bà Hoàng Thị Bảo T để thu hồi khoản nợ.; Trường hợp số tiền phát mãi từ tài sản thế chấp không đủ thanh toán hết các khoản nợ tại Q, ông Nguyễn Minh T và bà Hoàng Thị Bảo T phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết nợ cho Ngân hàng Q.; Buộc ông Nguyễn Minh T và bà Hoàng Thị Bảo T phải chịu mọi chi phí tố tụng phát sinh trong suốt quá trình giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Về thời hạn trả: là trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

** Bị đơn ông Nguyễn Minh T và bà Hoàng Thị Bảo T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được lời khai.*

Xét thấy tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BC, Thành phố HCM có ý kiến sau:

Về tố tụng; Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về thẩm quyền thụ lý và trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định về việc xét xử sơ thẩm vụ án.Tuy nhiên, còn chưa đảm bảo về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

- Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về thẩm quyền giải quyết:

- Theo nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Q khởi kiện yêu cầu Tòa án xử buộc bị đơn ông Nguyễn Minh T và bà Hoàng Thị Bảo T phải trả cho Ngân hàng tổng số nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 31/07/2024 là 900.129.444 đồng. Trong đó, Nợ gốc: 307.975.048 đồng; Nợ lãi trong hạn: 395.856.029 đồng; Nợ lãi quá hạn: 100.813.795 đồng; Nợ lãi chậm trả: 95.484.572 đồng. Xét bị đơn ông Nguyễn Minh T và bà Hoàng Thị Bảo T có địa chỉ cư trú tại: M ấp N, xã VLA, huyện BC, TP.HCM theo kết quả trả lời xác minh

của Công an xã VLA, huyện BC; Căn cứ các khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 317, Điều 319 Luật Thương mại, do đó vụ án thuộc thẩm giải quyết của Toà án nhân dân huyện BC, Thành phố HCM.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

- *Xét thấy quan hệ tranh chấp*: Căn cứ yêu cầu khởi kiện xác định là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" hợp đồng được xác lập vào thời điểm năm 2019. Căn cứ Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 tại Điều 688 quy định *"1.Đối với giao dịch dân sự được xác lập trước ngày Bộ luật này có hiệu lực pháp luật thì việc áp dụng pháp luật được quy định như sau..c) Giao dịch dân sự đã được thực hiện xong trước ngày Bộ luật này có hiệu lực mà có tranh chấp thì áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11(Bộ luật Dân sự 2005) và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết để giải quyết"*.Do đó vẫn phải áp dụng là Bộ luật Dân sự năm 2015; Luật Ngân hàng, Luật các tổ chức tín dụng; Điều 317, Điều 319 Luật Thương mại và các quy định của pháp luật hiện hành làm căn cứ giải quyết vụ án.

- *Xét thời hiệu khởi kiện*: Căn cứ vào hợp đồng vay giữa bên cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q với bên vay là vợ chồng ông Nguyễn Minh T và bà Hoàng Thị Bảo T thể hiện tại Hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ số X/HĐCVngày 29/05/2019 bên vay tiền là Ông T và Bà T. Số tiền vay là nợ: 1.900.000.000 đồng (Một tỷ chín trăm triệu đồng); Thời hạn vay là 84 tháng; Mục đích vay là mua xe ô tô; Về lãi suất vay kỳ đầu tiên kể từ ngày giải ngân cho đến ngày 30/05/2020 là 10%/năm. Tuy nhiên, sau khi vay bên vay Ông T Bà T không thực nghĩa vụ trả tiền và đã vi phạm hợp đồng bên cho vay là Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở yêu cầu trả nợ nhưng Ông T Bà T không trả. Do đó bên cho vay thực hiện khởi kiện là căn cứ vào quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định tại Điều 186 về Quyền khởi kiện *"Cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền tự mình hoặc thông qua người đại diện hợp pháp khởi kiện vụ án (gọi chung là người khởi kiện), tại Tòa án có thẩm quyền yêu cầu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình."*. Tại Điều 150 quy định về thời hiệu như sau *"...3. Thời hiệu khởi kiện là thời hiệu mà chủ thể được khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án dân sự đẻ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm, nếu thời hạn đó kết thúc thì mất quyền khởi kiện"*. Do đó, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Q khởi kiện đối với vợ chồng ông Nguyễn Minh T và bà Hoàng Thị Bảo T là phù hợp, có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- *Xét sự vắng mặt của bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Minh T và bà Hoàng Thị Bảo T*. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù bị đơn Ông T Bà T đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp và hòa giải, kèm theo là tống đạt giấy triệu tập đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án theo quy định

nhưng Ông T Bà T vẫn không đến Tòa án theo giấy triệu tập để tham gia giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án lập biên bản ghi nhận sự việc tiến hành niêm yết theo thủ tục xét xử vắng mặt các bị đơn theo quy định tại các Điều 170, 171, 172, 173, 174, 177, 181, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 theo thủ tục chung.

[3]. Xét về nội dung tranh chấp:

- *Xét yêu cầu khởi kiện* của Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Q đối với Ông T Bà T về việc yêu cầu phải trả số tiền vay còn thiếu nợ tạm tính đến tổng số nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 31/07/2024 là 900.129.444 đồng. Trong đó, Nợ gốc: 307.975.048 đồng; Nợ lãi trong hạn: 395.856.029 đồng; Nợ lãi quá hạn: 100.813.795 đồng; Nợ lãi chậm trả lãi: 95.484.572 đồng và lãi suất ông Nguyễn Minh T và bà Hoàng Thị Bảo T phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh tính từ ngày 26/03/2024 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ số X/HĐCVngày 29/05/2019. Trường hợp ông Nguyễn Minh T và bà Hoàng Thị Bảo T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên, đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng được yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản khác của ông Nguyễn Minh T và bà Hoàng Thị Bảo T để thu hồi khoản nợ. Trường hợp số tiền phát mãi từ tài sản thế chấp không đủ thanh toán hết các khoản nợ tại Ngân hàng ông Nguyễn Minh T và bà Hoàng Thị Bảo T phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết nợ cho Ngân hàng. Buộc ông Nguyễn Minh T và bà Hoàng Thị Bảo T phải chịu mọi chi phí tố tụng phát sinh trong suốt quá trình giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. ***Là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ***

- *Xét về chứng cứ*: Là căn cứ hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ số X/HĐCVngày 29/05/2019 giữa bên cho vay là Ngân hàng thương mại cổ phần Q đối với bên vay là Ông T Bà T. Nội dung đã ghi nhận đầy đủ các điều khoản hai bên đã thỏa thuận, cụ thể là Số tiền vay là nợ:1.900.000.000 đồng (Một tỷ chín trăm triệu đồng); Thời hạn vay là 84 tháng; Mục đích vay là mua xe ô tô; Lãi suất vay kỳ đầu tiên kể từ ngày giải ngân cho đến ngày 30/05/2020 là 10%/năm. Tuy nhiên, sau đó bên vay là Ông T Bà T không trả mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở như vậy bên Ông T Bà T đã vi phạm hợp đồng và còn nợ lại số tiền vốn vay và lãi suất phát sinh. Căn cứ các quy định của Bộ luật Dân sự 2015, Điều 116 quy định về giao dịch dân sự *"Giao dịch dân sự là hợp đồng hoặc hành vi pháp lý đơn phương làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quyền và nghĩa vụ dân sự"*; Điều 119 Hình thức *"*1. *Giao dịch dân sự được thể hiện bằng lời nói, bằng văn bản hoặc bằng hành vi cụ thể "*. Điều 463 về Hợp đồng vay tài sản *"Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả lại cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có có quy định."* Điều 466 quy định về nghĩa vụ trả nợ cho bên cho vay *"1. Bên vay*

tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn.; 5.Trong trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc không trả đầy đủ thì bên vay phải trả lãi gồm trả lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận tương ứng với thời gian vay chưa trả trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.". Do đó yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Q đối với Ông T Bà T yêu cầu Tòa án xử buộc Ông T Bà T phải trả số tiền nợ tạm tính đến tạm tính đến ngày 31/07/2024 là 900.129.444 đồng. Trong đó, Nợ gốc: 307.975.048 đồng; Nợ lãi trong hạn: 395.856.029 đồng; Nợ lãi quá hạn: 100.813.795 đồng; Nợ lãi chậm trả lãi: 95.484.572 đồng và lãi phát sinh quy định tại Hợp đồng là có căn cứ. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Xét bị đơn ông Nguyễn Minh T và bà Hoàng Thị Bảo T trong quá trình giải quyết vụ án. Mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ theo quy định pháp luật, nhưng bị đơn Ông T Bà T vẫn không đến để trình bày ý kiến, như vậy đủ cơ sở kết luận Ông T Bà T không thiện chí hợp tác trong quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định về Nghĩa vụ chứng minh *"Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ việc"* nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện là phù hợp.

- *Xét về thời gian trả nợ*: Xét thấy số nợ đã quá lâu phần Ông T Bà T không thiện chí phần nào gây khó khăn cho bên cho vay nên yếu cầu nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Q yêu cầu bị đơn phải trả ngay số tiền này một lần khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào Điều 48 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị đơn ông Nguyễn Minh T và bà Hoàng Thị Bảo T phải nộp án phí dân sự có giá ngạch được tính trên số tiền phải trả là 900.129.444 đồng = 36.000.000 đồng + 3% (900.129.444 đồng – 800.000.000 đồng) x3% = 39.003.883 đồng (Ba mươi chín triệu không trăm lẻ ba nghìn tám trăm tám mươi ba đồng). Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Q không nộp án phí. Được nhận lại số tiền là 18.512.602 đồng (Mười tám triệu năm trăm mười hai nghìn sáu trăm lẻ hai đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2023/0020585, ngày 24/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện BC, Thành phố HCM.

[5]. Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 68, 70, 71, 91, 147, 186, 227, 228, 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Căn cứ vào các Điều 118, 119, 146, 149, 150, 463, 466, 151, 468, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Điều 12, Điều 24 Luật Ngân hàng

- Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

- Các Điều 317; Điều 319 Luật Thương mại.

- Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng Qhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của các Tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng Quớc ngoài đối với khách hàng;

- Căn cứ vào các Điều 48 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào các Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Q (Ngân hàng Q).

2. Buộc ông Nguyễn Minh T và bà Hoàng Thị Bảo T phải trả cho Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Q (Ngân hàng Q) số tiền còn thiếu là **900.129.444 đồng**. Trong đó, Nợ gốc: 307.975.048 đồng; Nợ lãi trong hạn: 395.856.029 đồng; Nợ lãi quá hạn: 100.813.795 đồng; Nợ lãi chậm trả: 95.484.572 đồng và lãi suất ông Nguyễn Minh T và bà Hoàng Thị Bảo T phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh tính từ ngày 31/07/2024 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ số 393/19/HĐCV-9307ngày 29/05/2019.

3. Thi hành việc trả tiền là một lần, ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

4. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Nguyễn Minh T và bà Hoàng Thị Bảo T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

5. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1

Điều 468 của Bộ luật này, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.

6. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Minh T và bà Hoàng Thị Bảo T phải nộp án phí là 39.003.883 đồng (Ba mươi chín triệu không trăm lẻ ba nghìn tám trăm tám mươi ba đồng). Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Q không nộp án phí. Được nhận lại số tiền là 18.512.602 đồng (Mười tám triệu năm trăm mười hai nghìn sáu trăm lẻ hai đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2023/0020585, ngày 24/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện BC, Thành phố HCM.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Các đương sự nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Q (Ngân hàng Q) có đại diện có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Nguyễn Minh T và bà Hoàng Thị Bảo T vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lại Phước Trường

Nơi nhận
- TAND TP.HCM;
- VKSND H.BC;
- CCTHADS H.BC;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.